|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2019/QĐ-UBND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2019* |

**Dự thảo**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức và phân cấp thẩm quyền ban hành định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số TTr-STC ngày / /2019; ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số /HĐND-VP ngày / /2019,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp làm cơ sở đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp tại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Diện tích chuyên dùng** | **Diện tích tối đa (m2)** |
|  |  | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính |  |  |  |
| 1.1 | Trung tâm hành chính công của tỉnh | 550 |  |  |
| 1.2 | Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác | 300 | 300 | 200 |
| 2 | Diện tích sử dụng tiếp dân |  |  |  |
| 2.1 | Ban tiếp công dân của tỉnh | 700 |  |  |
| 2.2 | Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác | 200 | 200 | 100 |
| 3 | Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin | 150 | 100 | 100 |
| 4 | Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chổ ngồi trở lên) | 1.000 | 1.000 | 700 |
| 5 | Kho chuyên ngành | 1.000 | 1.000 | 700 |
| 6 | Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có) | Theo chức năng nhiệm vụ đặc thù, quy mô, biên chế và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. |

**Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, giao Giám đốc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với diện tích sử dụng công trình sự nghiệp khác, giao Thủ trưởng các Sở ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Các Sở, ban ngành tỉnh;- Sở Tư pháp;- UBND các huyện, TX, TP;- LĐVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, TM. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH** |